TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 5 - 2025
V/v *Ly hôn, nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Ngọc.

2. Ông Trịnh Ngọc Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 2003.

ĐKHKTT: Tổ dân phố T, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn E, xã V, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt chị H và anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 12 tháng 3 năm 2025, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T có đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã T, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/6/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mỗi khi bàn bạc công việc trong gia đình, mỗi người một ý, nên dẫn đến vợ chồng xảy ra cải vã lẫn nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy đã được hai bên gia đình phân tích khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được.

Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay không ai quan tâm gì đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị làm đơn xin được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung, cháu Bùi Đức T, sinh ngày 06/11/2022. Hiện nay cháu T đang ở với anh T. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc cháu Bùi Đức T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 4 năm 2025, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/6/2022 tại UBND xã T, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặc khác, chị H thường đi làm về muộn anh đã phân tích khuyên giải nhưng chị H vẫn không nghe dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2025 đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên anh T đồng lý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung, cháu Bùi Đức T, sinh ngày 06/11/2022. Hiện tại cháu T đang ở với anh. Sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc cháu Bùi Đức T, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện. Anh T đồng ý ly hôn và có nguyện vọng nuôi con chung.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn về cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề

nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T; Về con chung: Giao cháu Bùi Đức T, sinh ngày 06/11/2022 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm và có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con; Về tài sản chung và công nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn T là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố T, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Lê Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/6/2022 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, mỗi khi bàn bạc công việc trong gia đình đều không có tiếng nói chung nên hay cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 02/2025 đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 02/2025 đến nay, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, chị H và anh T đều xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên đều thống nhất thuận tình ly hôn. Do vậy. cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Văn T.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Bùi Văn T có 01 con chung, cháu Bùi Đức T, sinh ngày 06/11/2022. Chị H và anh T đều có nguyện vọng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng nuôi con của các bên đương sự là chính đáng nhưng xét điều kiện nuôi con của hai bên thì thấy: Điều kiện kinh tế của chị H và anh T đều như nhau, đang ở chung với bố mẹ đẻ, làm nghề tự do. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ khi ly hôn và quyền lợi của con trẻ, hiện tại cháu T còn rất nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Vì vậy, theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩ nên giao cháu Bùi Đức T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù

hợp. Sau này, cháu T lớn hơn, hoặc chị H không đủ điều kiện để chăm sóc con, anh T muốn nuôi con thì có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh T đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án ly hôn và tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số điều quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Văn T.

- *Về con chung*: Giao cháu Bùi Đức T, sinh ngày 06/11/2022 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị Lê Thị H và anh Bùi Văn T không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị H đã nộp theo biên lai thu số: 0000259 ngày 14/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Về quyền kháng cáo bản án*: Chị H và anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã T, huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Hoa